

Số: 444/QĐ-CĐKTKT- KHTC

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc trả lại tiền học phí học kỳ 1 năm học 2022-2023

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGDĐT ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐ ĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Thái Nguyên về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-CĐKTKT ngày 22/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học cao đẳng chính quy tại trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-CĐKTKT ngày 18/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K16 cao đẳng khóa học 2020-2023;

Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Trả lại tiền học phí cho 309 sinh viên K16 cao đẳng chính quy do điều chỉnh mức thu học phí (có danh sách kèm theo).

**Tổng số tiền: 194.530.000đ**

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)

**Điều 2.** Các ông (Bà) Trưởng, Phó phòng, Khoa, Kế toán trưởng và sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### Nơi nhận :

- Như điều 2;
- Ban giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KHTC
- Website;
- Lưu: VT, TP.KHTC.



TS Ngô Xuân Hoàng

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**DANH SÁCH TRẢ LẠI TIỀN HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-CDKTKT-KHTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

| STT | Mã Sinh Viên         | Họ và tên             | Lớp         | Số tiền HP phải nộp | Số tiền HP nộp lần 1 | Số tiền HP nộp lần 2 | Số tiền HP được trả lại |
|-----|----------------------|-----------------------|-------------|---------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|
| 1   | CDT12022062202110026 | Dương Thị Phương Châm | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 2   | CDT12022062202110039 | Hoàng Thị Thùy Châm   | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 3   | CDT12022062202110030 | Nguyễn Thị Duyên      | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 4   | CDT12022062202110032 | Vũ Thị Duyên          | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 5   | CDT12022062202110022 | Vũ Thị Hà             | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 6   | CDT12022062202110035 | Chu Văn Hiệu          | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 7   | CDT1202196220211S100 | Lê Thị Hoa            | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 8   | CDT12022062202110007 | Hoàng Thị Hồng        | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 9   | CDT12022062202110038 | Cao Thị Hương         | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 10  | CDT12022062202110043 | Trần Thị Linh         | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 11  | CDT12022062202110008 | Vũ Thị Loan           | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 12  | CDT12022062202110031 | Diệp Thị Mai          | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 13  | CDT12022062202110004 | Nguyễn Thị Thanh Nga  | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 14  | CDT12022062202110011 | Đoàn Thị Hồng Ngọc    | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 15  | CDT12022062202110012 | Dương Thị Nhung       | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 16  | CDT12022062202110025 | Nguyễn Thị Nhung      | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 17  | CDT12022062202110002 | Nguyễn Thị Thảo       | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 4.470.000            | 780.000              | 1.350.000               |
| 18  | CDT12022062202110006 | Lục Thị Thơm          | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 19  | CDT1202196220211S161 | Nguyễn Thị Thương     | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 20  | CDT12022062202110029 | Lưu Thị Huyền Trang   | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 21  | CDT1202196220211S167 | Nguyễn Thị Vân        | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 22  | CDT12022062202110014 | Bế Thị Xoan           | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 23  | CDT12022062202110036 | Nguyễn Thị Yên        | K16CĐ-T.Hàn | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 24  | CDT12022063403010008 | Lưu Thị Ngọc Hân      | K16CĐ-KT    | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 25  | CDT12022063403010012 | Nguyễn Thị Như Quỳnh  | K16CĐ-KT    | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 26  | CDT12022063403010003 | Ngô Thị Sinh          | K16CĐ-KT    | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 27  | CDT12022063403010002 | Nguyễn Thu Thảo       | K16CĐ-KT    | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 28  | CDT12022063403010004 | Nguyễn Thị Kim Thoa   | K16CĐ-KT    | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 29  | CDT12022063403010011 | Lục Thị Hồng Vân      | K16CĐ-KT    | 3.900.000           | 5.250.000            |                      | 1.350.000               |
| 30  | CDT12022064802010035 | Phan Quốc Anh         | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 31  | CDT12022064802010003 | Chu Văn Chung         | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 32  | CDT12022064802010021 | Nguyễn Thành Đạt      | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 33  | CDT12022064802010025 | Trịnh Nguyễn Đông     | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 34  | CDT12022064802010026 | Nguyễn Việt Hà        | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 35  | CDT1202206480201LT05 | Lưu Thị Thu Hằng      | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 36  | CDT12022064802010022 | Khổng Trung Hiếu      | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 37  | CDT1202206480201LT02 | Đặng Khánh Ly         | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 38  | CDT12022064802010013 | Dương Văn Mạnh        | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 39  | CDT12022064802010018 | Hứa Thị Nguyên        | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 40  | CDT1202206480201LT04 | Đặng Thị Nguyệt       | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 41  | CDT12022064802010030 | Nguyễn Tuấn Nhật      | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 42  | CDT12022064802010011 | Nguyễn Công Nhuận     | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 43  | CDT12022064802010009 | Mai Thị Ninh          | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 44  | CDT1202206480201LT01 | Lê Thị Phương         | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |
| 45  | CDT12021964802010024 | Đoàn Thu Thảo         | K16CĐ-CNTT  | 4.700.000           | 5.250.000            |                      | 550.000                 |

|    |                       |                      |              |           |           |           |         |
|----|-----------------------|----------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|---------|
| 46 | CDT12022064802010028  | Hoàng Thị Thanh Trúc | K16CĐ-CNTT   | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 47 | CDT12022064802010005  | Nguyễn Văn Tú        | K16CĐ-CNTT   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 48 | CDT12022064802010027  | Tạ Minh Tuấn         | K16CĐ-CNTT   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 49 | CDT12022064802010024  | Phạm Hoàng Vũ        | K16CĐ-CNTT   | 4.700.000 | 940.000   | 4.310.000 | 550.000 |
| 50 | CDT12022064802010031  | Phạm Long Vũ         | K16CĐ-CNTT   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 51 | CDT1202206480201LT03  | Phan Thị Bảo Yến     | K16CĐ-CNTT   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 52 | CDT12022065102010007  | Trần Mạnh Đạt        | K16CĐ-CK     | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 53 | CDT12022065102010001  | Trần Ngọc Hồ         | K16CĐ-CK     | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 54 | CDT12022065102160077  | Lý Quang Anh         | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 55 | CDT12022065102160060  | Đặng Thanh Bình      | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 56 | CDT12022065102160049  | Đồng Khương Duy      | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 57 | CDT12022065102160023  | Đào Văn Dương        | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 58 | CDT12022065102160056  | Nguyễn Tiến Đạt      | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 59 | CDT12022065102160003  | Nguyễn Văn Hải       | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 60 | CDT12022065102160063  | Thái Ngô Hùng        | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 61 | CDT12022065102160052  | Trần Văn Huy         | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 62 | CDT12022065102160032  | Bàn Đức Long         | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 63 | CDT12022065102160041  | Chu Văn Nam          | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 64 | CDT12022065102160013  | Lương Thái Nguyên    | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 65 | CDT12022065102160045  | Trần Văn Nguyên      | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 66 | CDT12022065102160075  | Nguyễn Việt Nhâm     | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 67 | CDT12022065102160057  | Nguyễn Hoàng Phi     | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 68 | CDT12022065102160040  | Dương Văn Quảng      | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 69 | CDT12022065102160067  | Trần Văn Quỳnh       | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 70 | CDT12022065102160059  | Tô Văn Thịnh         | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 71 | CDT12022065102160061  | Liễn Văn Thọ         | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 72 | CDT12022065102160058  | Hoàng Tiến Tùng      | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 73 | CDT12022065102160009  | Lãnh Văn Tùng        | K16CĐ-Ô tô A | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 74 | CDT12022065102160078  | Nông Thế Anh         | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 75 | CDT12022065102160082  | Lờ A Chua            | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 76 | CDT12022065102160083  | Nguyễn Khánh Duy     | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 77 | CDT12022065102160084  | Phạm Văn Duy         | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 78 | CDT12022065102160085  | Nguyễn Tuấn Điệp     | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 79 | CDT12022065102160086  | Ngô Quý Đức          | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 80 | CDT12022065102160087  | Diệp Quang Hà        | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 81 | CDT12022065102160088  | Nguyễn Văn Hải       | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 82 | CDT12022065102160090  | Ninh Đại Hiệp        | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 83 | CDT12022065102160091  | Phùng Văn Hiếu       | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 84 | CDT12022065102160096  | Triệu Đức Hùng       | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 85 | CDT12022065102160098  | Hà Văn Khải          | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 86 | CDT120220651021600100 | Phạm Văn Khánh       | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 87 | CDT120220651021600101 | Phạm Minh Khôi       | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 88 | CDT12022065102160097  | Nguyễn Trung Kiên    | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 89 | CDT120220651021600102 | Trần Quốc Liêm       | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 90 | CDT120220651021600107 | Nguyễn Đức Mạnh      | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 91 | CDT120220651021600108 | Thân Văn Minh        | K16CĐ-Ô tô B | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 92 | CDT120220651021600115 | Đào Ngọc Dương       | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 93 | CDT120220651021600117 | Đỗ Đăng Khoa         | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 94 | CDT120220651021600125 | Phạm Minh Quân       | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 95 | CDT120220651021600127 | Đặng Quốc Quỳnh      | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 96 | CDT120220651021600131 | Hứa Tấn Tài          | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 97 | CDT120220651021600133 | Nguyễn Trọng Tân     | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |

|     |                       |                    |              |           |           |           |           |
|-----|-----------------------|--------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 98  | CDT120220651021600141 | Lê Công Thái       | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 99  | CDT120220651021600142 | Đinh Công Thành    | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 100 | CDT120220651021600144 | Nguyễn Đức Thắng   | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 101 | CDT120220651021600146 | Trần Anh Thắng     | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 102 | CDT120220651021600137 | Vương Đức Toàn     | K16CĐ-Ô tô C | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 103 | CDT12022065103030004  | Hoàng Việt Anh     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 104 | CDT12022065103030011  | Hoàng Văn Bắc      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 105 | CDT120220651030300112 | Hà Hải Bằng        | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 106 | CDT120220651030300119 | Nguyễn Trọng Bằng  | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 107 | CDT12022065103030092  | Nguyễn Mạnh Cường  | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 108 | CDT12022065103030006  | Tạ Văn Dân         | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 109 | CDT120220651030300127 | Vũ Quang Duy       | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 110 | CDT120220651030300109 | Lê Trần Đức        | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 111 | CDT120220651030300102 | Đặng Xuân Giang    | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 112 | CDT1202196510303S029  | Dương Văn Hải      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 113 | CDT12022065103030084  | Nguyễn Duy Hậu     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 114 | CDT12022065103030090  | Dương Văn Hòa      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 115 | CDT120220651030300125 | Hà Nam Hồng        | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000   |
| 116 | CDT120220651030300101 | Lường Văn Hùng     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 117 | CDT120220651030300107 | Nguyễn Quang Hường | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.500.000 | 2.750.000 | 550.000   |
| 118 | CDT12022065103030095  | Nguyễn Hồng Khải   | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 119 | CDT120220651030300129 | Lý Đức Kiên        | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 120 | CDT120220651030300126 | Nguyễn Duy Lam     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 121 | CDT12022065103030008  | Hoàng Văn Lân      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 122 | CDT12022065103030065  | Hoàng Đức Long     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.500.000 | 2.750.000 | 550.000   |
| 123 | CDT12022065103030001  | Nguyễn Văn Lư      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 124 | CDT12022065103030009  | Dương Như Lực      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 125 | CDT120220651030300111 | Hoàng Văn Minh     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 940.000   | 5.250.000 | 1.490.000 |
| 126 | CDT120220651030300114 | Hoàng Văn Nam      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 127 | CDT12022065103030012  | Hoàng Văn Nhất     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 128 | CDT12022065103030096  | Hoàng Chung Phong  | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 129 | CDT120220651030300113 | Hoàng Văn Phúc     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 3.250.000 | 2.000.000 | 550.000   |
| 130 | CDT12022065103030050  | Trương Xuân Tài    | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 131 | CDT12022065103030094  | Hoàng Bắc Thái     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 132 | CDT12022065103030083  | Ma Văn Thắng       | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 133 | CDT1202196510303S066  | Vũ Thị Thu         | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 1.155.000 | 4.095.000 | 550.000   |
| 134 | CDT12022065103030080  | Vũ Thị Thương      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 135 | CDT12022065103030007  | Hoàng Văn Trà      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 136 | CDT12022065103030005  | Đặng Văn Trường    | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.750.000 | 2.500.000 | 550.000   |
| 137 | CDT120220651030300157 | Vũ Hữu Trường      | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.250.000 | 3.000.000 | 550.000   |
| 138 | CDT12022065103030075  | Đào Quang Tuấn     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.250.000 | 3.000.000 | 550.000   |
| 139 | CDT12022065103030086  | Nông Văn Tường     | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 2.250.000 | 3.000.000 | 550.000   |
| 140 | CDT12022065103030067  | Tạ Quốc Việt       | K16CĐ-ĐTA    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 141 | CDT12022065103030091  | Mai Việt Anh       | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000   |
| 142 | CDT12022065103030061  | Nguyễn Phúc Bền    | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000   |
| 143 | CDT12022065103030077  | Tạ Văn Chiến       | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 144 | CDT12022065103030058  | Nguyễn Thành Công  | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 145 | CDT120220651030300146 | Nguyễn Văn Duẩn    | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 146 | CDT120220651030300132 | Phạm Anh Dũng      | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 147 | CDT12022065103030031  | Nguyễn Khương Duy  | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |
| 148 | CDT12022065103030013  | Nguyễn Văn Dương   | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.500.000 | 800.000   |
| 149 | CDT12022065103030044  | Phạm Văn Đức       | K16CĐ-ĐTB    | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000   |

DỤC  
 TRƯỞNG  
 VÀO Đ  
 KINH  
 Y THU  
 C THÂN

|     |                       |                    |            |           |           |           |         |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------|-----------|---------|
| 150 | CDT12022065103030055  | Triệu Xuân Hanh    | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000 |
| 151 | CDT120220651030300158 | Nguyễn Văn Hiếu    | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 152 | CDT12022065103030076  | Nguyễn Văn Hiếu    | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.250.000 | 2.000.000 | 550.000 |
| 153 | CDT12022065103030073  | Nguyễn Quang Hoàng | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 154 | CDT12022065103030053  | Lê Trường Huy      | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 155 | CDT12022065103030029  | Nguyễn Quý Khang   | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 156 | CDT120220651030300136 | Bàn Đức Kiên       | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 157 | CDT120220651030300138 | Đào Quốc Lập       | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 158 | CDT12022065103030041  | Nguyễn Việt Long   | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 159 | CDT12022065103030040  | Chu Đức Mạnh       | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 160 | CDT12022065103030032  | Trần Văn Mạnh      | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 161 | CDT120220651030300142 | Vũ Anh Minh        | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 162 | CDT12022065103030030  | Chu Đức Nam        | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 163 | CDT12022065103030054  | Lăng Văn Nam       | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 164 | CDT12022065103030024  | Nguyễn Văn Phương  | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 165 | CDT12022065103030074  | Hoàng Công Quân    | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 166 | CDT12022065103030026  | Lê Văn Quyết       | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 167 | CDT120220651030300123 | Đào Duy Thành      | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 168 | CDT12022065103030081  | Phạm Văn Tiến      | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 169 | CDT120220651030300124 | Vũ Đức Tiến        | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 170 | CDT12022065103030028  | Nguyễn Đức Toàn    | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 171 | CDT12022065103030098  | Nguyễn Minh Tuấn   | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000 |
| 172 | CDT12022065103030039  | Hoàng Văn Tuyển    | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 173 | CDT12022065103030052  | Lương Trung Việt   | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 174 | CDT120220651030300143 | Ngô Văn Việt       | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 175 |                       | Luân Văn Ngọc      | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000 |
| 176 |                       | Trần Đình Tuấn     | K16CĐ-ĐTB  | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 177 | CDT12022065102160035  | Nguyễn Ngọc Anh    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 178 | CDT12022065202270090  | Nguyễn Văn Bắc     | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 3.250.000 | 2.000.000 | 550.000 |
| 179 | CDT12022065202270053  | Lý Văn Biên        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 180 | CDT12022065202270012  | Đỗ Văn Bình        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 181 | CDT12022065202270038  | Nguyễn Đức Cảnh    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 182 | CDT12022065202270020  | Lê Văn Chính       | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 183 | CDT120220652022700111 | Vũ Văn Công        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 184 | CDT12022065202270062  | Ma Tiến Cường      | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 185 | CDT12022065202270004  | Đinh Công Doanh    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 186 | CDT12022065202270059  | Nguyễn Văn Dũng    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 187 | CDT12022065202270016  | Nguyễn Thành Duy   | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 188 | CDT12022065202270017  | Đào Trọng Dương    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 189 | CDT12022065202270007  | Nguyễn Văn Dương   | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 190 | CDT12022065202270054  | Ngô Anh Đạt        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 191 | CDT12022065202270013  | Nguyễn Văn Đăng    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 192 | CDT120220652022700101 | Tạ Đình Đồng       | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 193 | CDT120220652022700107 | Dương Công Hiệp    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 194 | CDT12022065202270029  | Phạm Trung Hiếu    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 195 | CDT12022065202270001  | Dương Việt Hoàng   | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 196 | CDT12022065202270056  | Nguyễn Ngọc Huy    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 197 | CDT12022065202270030  | Phùng Đức Huy      | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 198 | CDT12022065202270093  | Lê Văn Linh        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 199 | CDT12022065202270033  | Lê Văn Lượng       | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 200 | CDT12022065202270019  | Lê Văn Mạnh        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 201 | CDT12022065202270037  | Nhữ Văn Nam        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |

|     |                       |                      |            |           |           |           |         |
|-----|-----------------------|----------------------|------------|-----------|-----------|-----------|---------|
| 202 | CDT12022065202270048  | Ngô Văn Ngọc         | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 203 | CDT12022065202270055  | Đỗ Hồng Quân         | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 204 | CDT12022065202270039  | Nguyễn Văn Quân      | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 205 | CDT12022065202270010  | Dương Văn Sinh       | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 940.000   | 4310000   | 550.000 |
| 206 | CDT120220652022700112 | Lại Xuân Sỹ          | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 207 | CDT12022065202270077  | Nguyễn Doãn Thiệu    | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 208 | CDT12022065202270073  | Đào Xuân Trường      | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 209 | CDT12022065202270066  | Phùng Văn Tú         | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 210 | CDT120220652022700104 | Dương Văn Tuấn       | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 211 | CDT12022065202270076  | Đặng Văn Tuấn        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 212 | CDT12022065202270032  | Mông Chí Tuấn        | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 213 | CDT12022065202270003  | Lê Văn Việt          | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 214 | CDT12022065202270031  | Đỗ Thanh Vượng       | K16CĐ-ĐCNA | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 215 | CDT12022065202270083  | Diệp Văn Anh         | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 216 | CDT12022065202270034  | Dương Ngọc Ban       | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 217 | CDT12022065202270051  | Nguyễn Văn Nam Chiêu | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 218 | CDT12022065202270044  | Hoàng Hà Văn Duy     | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 219 | CDT12022065202270067  | Trần Quốc Duy        | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 4.000.000 | 1.250.000 | 550.000 |
| 220 | CDT12022065202270070  | Dương Nghĩa Dương    | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 221 | CDT12022065202270087  | Nguyễn Văn Đạt       | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 222 | CDT12022065202270063  | Nguyễn Văn Đức       | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000 |
| 223 | CDT12022065202270069  | Diệp Trường Giang    | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 224 | CDT120220652022700117 | Nhạc Xuân Giang      | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 225 | CDT12022065202270015  | Lưu Văn Giáp         | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 4.500.000 | 750.000   | 550.000 |
| 226 | CDT12022065202270091  | Nguyễn Trung Hiếu    | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 227 | CDT12022065202270014  | Nguyễn Văn Hòa       | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 228 | CDT12022065202270024  | Nguyễn Văn Kỳ        | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 240.000   | 5.200.000 | 740.000 |
| 229 | CDT12022065202270002  | Hà Phi Luân          | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 230 | CDT12022065202270028  | Nguyễn Văn Mong      | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 231 | CDT120220652022700118 | Nịnh Công Mùi        | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 232 | CDT12022065202270052  | Vũ Văn Nga           | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000 |
| 233 | CDT12022065202270050  | Trần Trọng Phúc      | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 234 | CDT12022065202270095  | Trần Minh Quang      | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 235 | CDT120220652022700121 | Nguyễn Mạnh Quỳnh    | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 236 | CDT12022065202270022  | Ân Văn Sơn           | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 237 | CDT12022065202270023  | Nguyễn Trung Tá      | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 238 | CDT12022065202270098  | Nguyễn Văn Trần      | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 239 | CDT12022065202270081  | Dương Văn Trường     | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 240 | CDT120220652022700125 | Dương Văn Tuấn       | K16CĐ-ĐCNB | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 241 | CDT120220652022700139 | Nguy Công Chính      | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 242 | CDT120220652022700137 | Đặng Văn Công        | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 243 | CDT120220652022700141 | Triệu Hoàng Duy      | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 244 | CDT120220652022700142 | Dương Quang Dự       | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 245 | CDT120220652022700143 | Hoàng Triệu Dương    | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 1.000.000 | 4.250.000 | 550.000 |
| 246 | CDT120220652022700144 | Trần Minh Dương      | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 247 | CDT120220652022700145 | Dương Văn Đạt        | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 248 | CDT120220652022700146 | Ngô Quốc Đạt         | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 249 | CDT120220652022700147 | Nguyễn Văn Hào       | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 2.000.000 | 3.250.000 | 550.000 |
| 250 | CDT120220652022700148 | Đỗ Quang Hiến        | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 251 | CDT120220652022700149 | Hoàng Thọ Hiếu       | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 252 | CDT120220652022700150 | Lê Duy Hiếu          | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.250.000 | 2.000.000 | 550.000 |
| 253 | CDT120220652022700151 | Nguyễn Văn Hoàng     | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.200.000 | 2.050.000 | 550.000 |

YG  
NG  
Đ  
AT  
NGUY

|     |                       |                   |            |           |           |           |         |
|-----|-----------------------|-------------------|------------|-----------|-----------|-----------|---------|
| 254 | CDT120220652022700152 | La Minh Huân      | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.000.000 | 2.250.000 | 550.000 |
| 255 | CDT120220652022700153 | Nguyễn Đình Huy   | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 256 | CDT120220652022700154 | Mã Bằng Hữu       | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 257 | CDT120220652022700157 | Triệu Khải Long   | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 258 | CDT120220652022700176 | Nguyễn Nguyên Lý  | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 4.000.000 | 1.250.000 | 550.000 |
| 259 | CDT120220652022700158 | Vũ Đức Mạnh       | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 260 | CDT120220652022700159 | Đinh Tiến Phú     | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 261 | CDT120220652022700160 | Bạch Hồng Phúc    | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 262 | CDT120220652022700169 | Trần Hữu Thuật    | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.250.000 | 2.000.000 | 550.000 |
| 263 | CDT120220652022700163 | Vi Văn Tiến       | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 264 | CDT120220652022700164 | Bùi Trung Tín     | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 265 | CDT120220652022700171 | Hoàng Ngọc Trung  | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 3.300.000 | 1.950.000 | 550.000 |
| 266 | CDT120220652022700165 | Nguyễn Văn Tuấn   | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 267 |                       | Phạm Tiến Tùng    | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 268 | CDT120220652022700173 | Đỗ Quốc Việt      | K16CĐ-ĐCNC | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 269 | CDT12022065202050003  | Nguyễn Minh Châu  | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 4.700.000 | 550.000   | 550.000 |
| 270 | CDT12022065202050004  | Hà Khương Duy     | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 4.800.000 | 450.000   | 550.000 |
| 271 | CDT12022065202050006  | Trương Công Đô    | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 272 | CDT12022065202050007  | Hoàng Văn Đức     | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 273 | CDT12022065202050012  | Nguyễn Ngọc Hiếu  | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 274 | CDT12022065202050018  | Dương Đình Long   | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 275 | CDT12022065202050021  | Dương Công Minh   | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 276 | CDT12022065202050024  | Mai Văn Quang     | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 277 | CDT12022065202050028  | Dương Văn Thành   | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 278 | CDT12022065202050031  | Lê Đức Trường     | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 279 | CDT12022065202050032  | Phạm Hiếu Trường  | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 280 | CDT12022065202050025  | Nguyễn Văn Tú     | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 281 | CDT12022065202050026  | Diệp Văn Tùng     | K16CĐ-ĐL   | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 282 | CDT12022065202250002  | Nguyễn Hoàng Anh  | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 283 | CDT12022065202250044  | Hoàng Văn Bình    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 284 | CDT12022065202250043  | Lưu Trung Hiếu    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 940.000   | 4.310.000 | 550.000 |
| 285 | CDT12022065202250005  | Nguyễn Đình Hiếu  | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 286 | CDT12022065202250007  | Đặng Việt Hoàng   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 287 | CDT12022065202250008  | Đàm Quang Huy     | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 288 | CDT12022065202250009  | Hoàng Quốc Huy    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 289 | CDT12022065202250011  | Hà Quang Khánh    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 290 | CDT12022065202250012  | Dương Văn Khiêm   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 291 | CDT12022065202250013  | Phạm Trần Khiêm   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 292 | CDT12022065202250014  | Lê Văn Long       | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 293 | CDT12022065202250015  | Nguyễn Văn Long   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 294 | CDT12022065202250016  | Trần Văn Long     | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 295 | CDT12022065202250017  | Dương Văn Luân    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 296 | CDT12022065202250019  | Dương Hoài Nam    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 297 | CDT12022065202250020  | Nguyễn Minh Nghĩa | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 298 | CDT12022065202250021  | Lê Minh Phong     | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 299 | CDT12022065202250022  | Trần Minh Quân    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.200.000 | 50.000    | 550.000 |
| 300 | CDT12022065202250025  | Bùi Công Quỳnh    | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 301 | CDT120220651021600132 | Nguyễn Ngọc Tân   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 302 | CDT12022065202250033  | Trương Ngọc Thạch | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 303 | CDT12022065202250037  | La Văn Thiết      | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 304 | CDT12022065202250028  | Đàm Văn Tiến      | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |
| 305 | CDT12022065202250030  | Trần Thanh Tiến   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000 | 5.250.000 |           | 550.000 |

|     |                      |                  |            |               |               |             |             |
|-----|----------------------|------------------|------------|---------------|---------------|-------------|-------------|
| 306 | CDT12022065202250031 | Trương Xuân Tới  | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000     | 5.250.000     |             | 550.000     |
| 307 | CDT12022065202250032 | Phạm Quang Tùng  | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000     | 5.250.000     |             | 550.000     |
| 308 | CDT12022065202250039 | Dương Văn Vinh   | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000     | 5.250.000     |             | 550.000     |
| 309 | CDT12022065202250040 | Nguyễn Văn Vượng | K16CĐ-ĐTCN | 4.700.000     | 5.250.000     |             | 550.000     |
|     |                      | Cộng             |            | 1.429.100.000 | 1.493.575.000 | 130.055.000 | 194.530.000 |

Người lập

*[Signature]*

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Trưởng phòng KHTC

*[Signature]*

Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Hiệu trưởng



**TS. Ngô Xuân Hoàng**

TRƯỜNG  
CAO ĐẲNG  
KINH TẾ  
KỸ THUẬT  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN